

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 27/3/2020.
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt
2. Bà Võ Thanh Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2019/TLST-DS ngày 26/7/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐST-DS ngày 31/01/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-DS ngày 28/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: Khu D Lô E, xã F, huyện G, tỉnh Long An.

(có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Đường H, Phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Duy C, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Khu D Lô E, xã F, huyện G, tỉnh Long An.

(có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Ngày 25/5/2017 bà A có cho ông Nguyễn Hữu B vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn trả là cuối tháng 6 hoặc đầu tháng 07 và không có lãi suất. Do quen biết, ông B nói đang khó khăn, ông B mượn và nói 01 tháng rồi trả, nên bà A không tính lãi suất. Trong Giấy cam kết mượn tiền ghi thời hạn cuối tháng 6 hoặc đầu tháng 7 nhưng không ghi năm vì nghĩ là 01 tháng. Bà A xác định cuối tháng 6 hoặc đầu tháng 7 là của năm 2017. Lúc mượn tiền ông B thể chấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công ty tài chính Cổ phần điện lực số 51821, số lượng cổ phần 627 do Công ty tài chính Cổ phần điện lực phát hành cho ông B.

Mặc dù, theo Giấy cam kết mượn tiền có ghi tên con bà A là Vũ Duy C cùng cho mượn nhưng thực chất đây là số tiền của riêng bà A, không liên quan đến con bà A và con bà A cũng không ký tên vào giấy này. Ngoài ra, trong giấy này cũng ghi nếu sau này ông B không trả thì bà A và con bà A có quyền lấy đất hoặc nhà cửa đủ số tiền đã mượn (tương đương số tiền đã mượn và lãi suất) sẽ thuộc về bà và con của bà. Thực ra, đây chỉ là giấy in sẵn, việc vay mượn của các bên không có thể chấp nhà cửa như trong giấy này thể hiện. Số tiền bà A cho ông B mượn là của riêng cá nhân bà A, không liên quan đến ai.

Sau khi hết thời hạn vay như các bên đã ký kết, ông B không trả số tiền đã vay cho bà A mà đến ngày 21/10/2017, ông B chỉ trả cho bà A được 4.000.000 đồng. Do đó, ngày 12/9/2018 bà A có đơn yêu cầu gửi đến Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4 yêu cầu lập biên bản hòa giải nhưng ông B không có mặt.

Nay bà A yêu cầu ông B trả ngay số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 02/7/2017 đến ngày 02/7/2019 với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Ngay khi ông B trả cho bà A hết số tiền nợ, bà A sẽ trả lại cho ông B bản chính Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công ty tài chính Cổ phần điện lực số 51821, số lượng cổ phần 627 do Công ty tài chính Cổ phần điện lực phát hành.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu B: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông B, đề ông B thực hiện việc tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng ông B vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Duy C trình bày: Ông là con của bà A, việc bà A cho ông B mượn nợ là việc riêng của bà A, ông không có liên quan và không có ý kiến, nên ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A: Bà A có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông B trả ngay số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 02/7/2017 đến ngày 02/7/2019 với mức lãi suất theo quy định pháp

luật. Ngay khi ông B trả cho bà A hết số tiền nợ, bà A trả lại cho ông B bản chính Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công ty tài chính Cổ phần điện lực số 51821, số lượng cổ phần 627 do Công ty tài chính Cổ phần điện lực phát hành.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu B: Tòa án triệu tập họp lệ ông B tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng ông B vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Duy C: Ông Đạt có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến hoặc tranh chấp gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Giấy cam kết mượn tiền ngày 25/5/2017 thì giữa bà A và ông B có xác lập quan hệ vay mượn nợ, nhưng ông B đã không thực hiện theo đúng cam kết. Như vậy, ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, ông B đã được triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, vậy ông B đã tự khước bỏ quyền lợi của mình, nên yêu cầu của bà A là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông B phải hoàn trả cho bà A số tiền là 6.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu B thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu theo Giấy cam kết mượn tiền, nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; ông B có nơi cư trú tại Quận 4, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Duy C có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Hữu B vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A:

Căn cứ vào Giấy cam kết mượn tiền ngày 25/5/2017 và các tài liệu có

trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị A đã cho ông Nguyễn Hữu B vay số tiền là 10.000.000 đồng, xét việc thỏa thuận của các bên là phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét.

Sau khi hết thời hạn vay như các bên đã ký kết, ông B không trả số tiền đã vay cho bà A mà đến ngày 21/10/2017, ông B chỉ trả cho bà A số tiền là 4.000.000 đồng. Mặc dù, bà A đã nhắc nhở nhiều lần và ngày 12/9/2018 Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4 lập biên bản hòa giải theo đơn yêu cầu của bà A, nhưng ông B vắng mặt. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông B để ông B tham gia tố tụng, nhưng ông B vẫn vắng mặt, không có lý do. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông B không có thiện chí trả nợ cho bà A là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên bà A yêu cầu ông B trả số tiền nợ gốc còn lại là 6.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu ông B trả nợ lãi tính từ ngày 02/7/2017 đến ngày 02/7/2019 với mức lãi suất theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào Giấy cam kết mượn tiền ngày 25/5/2017 thể hiện ông B vay không lãi suất và thời hạn vay là đến cuối tháng 06 hoặc đầu tháng 7. Mặc dù, việc thỏa thuận của các bên không xác định cuối tháng 06 hoặc đầu tháng 07 là của năm nào, nhưng bà A xác định là của năm 2017 và bà thừa nhận thời hạn ông B trả nợ là ngày 01/7/2017, do ông B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử ghi nhận lời khai của bà A để làm cơ sở xác định thời hạn trả nợ là vào ngày 01/7/2017.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà A yêu cầu ông B trả lãi suất từ ngày 02/7/2017 đến ngày 02/7/2019 với mức lãi suất theo quy định pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Theo đó mức lãi suất sẽ được tính cụ thể như sau: Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 6.000.000 đồng x (10%:12tháng) x 24 tháng = 1.200.000 đồng.

Đồng thời, khi vay nợ của bà A, ông B thế chấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công ty tài chính Cổ phần điện lực số 51821, tên cổ đông Nguyễn Hữu B do Công ty tài chính Cổ phần điện lực phát hành ngày 20/10/2008. Do đó, ngay khi ông B trả cho bà A hết số tiền nợ, bà A trả lại cho ông B bản chính Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công ty tài chính Cổ phần điện lực số 51821, tên cổ đông Nguyễn Hữu B do Công ty tài chính Cổ phần điện lực phát hành ngày 20/10/2008 là phù hợp quy định tại Điều 322 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A. Buộc ông Nguyễn Hữu B trả ngay cho bà Nguyễn Thị A số tiền là 7.200.000 đồng, trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng, nợ lãi là 1.200.000 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngay khi ông B trả cho bà A hết số tiền nợ, bà A trả lại cho ông B bản chính Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công ty tài chính Cổ phần điện lực số 51821,

tên cổ đông Nguyễn Hữu B do Công ty tài chính Cổ phần điện lực phát hành ngày 20/10/2008.

[2.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A được miễn toàn bộ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 322, 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

- Buộc ông Nguyễn Hữu B trả ngay cho bà Nguyễn Thị A số tiền là 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 6.000.000 (sáu triệu) đồng, nợ lãi là 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ngay khi ông Nguyễn Hữu B trả cho bà Nguyễn Thị A hết số tiền nợ, bà A có trách nhiệm trả cho ông B bản chính Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công ty tài chính Cổ phần điện lực số 51821, tên cổ đông Nguyễn Hữu B do Công ty tài chính Cổ phần điện lực phát hành ngày 20/10/2008.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 360.000 (ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ (10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Trần Hồng Loan